

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

---***---

Bản án số: 52/2022/HSST

Ngày: 02/6/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T V – Thư ký TA.

Đại diện VKSND huyện K: Ông Nguyễn Hữu T A - KSV.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/TLST-HS, ngày 13/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 18/5/2022 đối với bị cáo: **Trần Văn T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị H1; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Có vợ là Đỗ Thị M1 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa có. T bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2022. Hiện bị đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Người bị hại:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1973; Trú tại: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

***/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963;

2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1962;

3. Chị Đỗ Thị M1, sinh năm 1993;

Đều trú tại: thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (Đều có mặt tại phiên tòa).

***/ Những người làm chứng:**

1/ Ông Văn Khắc T3, sinh năm 1975; Trú tại: thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị T4, sinh năm 1946; Trú tại: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối tháng 07/2021, anh Trần Văn Đ, sinh năm

1973 ở thôn P, xã T1, huyện K điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu HuynDai i10, màu trắng, biển kiểm soát 89A- 117.54 của mình dừng đỗ ở trước cổng nhà để rửa xe ô tô. Khi rửa xe anh Đ đã làm cho nước, bùn và đất ch1y qua cổng nhà Trần Văn T nên giữa Đ và T có xảy ra lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát. Kể từ đó T nảy sinh ý định trả thù anh Đ. T biết hàng ngày anh Đ thường đi làm về buổi tối và đỗ xe ô tô ở đường bê tông ngay trước cổng nhà bà Lê Thị T4 (Mẹ của anh Đ), sinh năm 1946 ở thôn P, xã T1 không có người trông coi nên T đã nảy sinh ý định đốt làm hư hỏng chiếc xe ô tô của anh Đ. Với ý định đó, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/02/2022, T lấy chiếc mũ len màu đỏ đội trùm kín đầu, đi đến gian bếp của gia đình cầm theo 01 chai nhựa bên trong chứa dầu hỏa, 01 chiếc bật lửa gas vỏ màu trắng, 01 tấm bọt biển và 01 mảnh giấy bìa catton. Sau khi đã chuẩn bị được dụng cụ, T dùng tay bám và trèo qua bờ tường bao của gia đình nh1y ra bên ngoài. Quan sát thấy không có người qua lại, T đi bộ khoảng 50 mét thì đến vị trí đỗ xe ô tô 89A - 117.54 của anh Đ. T dùng miếng bọt biển đặt lên nắp capo phía trước, đổ dầu hỏa tẩm ướt miếng bọt biển rồi dùng bật lửa châm từ mảnh bìa catton đã mang theo đưa vào miếng bọt biển. Sau khi lửa đã cháy nhiều, T cầm theo bật lửa và chai nhựa còn ít dầu hỏa bên trong bỏ chạy về nhà. Để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng, T đã cởi chiếc mũ len màu đỏ và chiếc áo thu đông màu xám đã mặc khi đốt chiếc xe ô tô trên, đem đốt ở bếp của gia đình; đồng thời T mang chiếc quần đang mặc màu đen, có sọc kẻ trắng ở sườn hai bên ống quần phơi ở sân tầng 2 nhà T, rồi tiếp tục lên giường đi ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/02/2022, khi bà T4 đang ngủ thì nghe thấy tiếng “Bụp” nên đã ra cổng nhà để kiểm tra thì phát hiện phần đầu chiếc xe ô tô của anh Đ đang cháy nên đã hô hào người dân xung quanh mang theo nước để dập lửa.

Hậu quả: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu HuynDai i10 màu trắng biển kiểm soát 89A- 117.54 bị hư hỏng, thiệt hại một số phụ tùng. Cùng ngày, anh Đ đã có đơn đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh vụ việc, xác định tình trạng xe ô tô của anh Đ bị hư hỏng như sau: Tại mặt bậc thang sát sườn bên phải của xe ô tô phát hiện đám chất màu đen rải rác kích thước 1,8x0,7m, tiến hành niêm phong trong hộp nhựa, ký hiệu (M1); Tại mặt ngoài chân kính chắn gió phía trước, phía cần gạt bên phải của xe ô tô phát hiện chất màu đen, vàng, nâu không rõ hình dạng, tiến hành niêm phong trong hộp nhựa, ký hiệu (M2); Mặt ngoài nắp ca pô bị nhiệt tác động làm bong tróc sơn trên diện tích (01 x 0,54)m, có thể sửa chữa; Dây mở nắp ca pô bị nhiệt tác động làm biến dạng không hoạt động, phải thay thế; Tấm ốp sườn trước bên phải của xe bị nhiệt tác động làm bong tróc sơn trên diện (0,76 x 0,18)m, có thể sửa chữa; Cụm đèn pha bên phải của xe bị nhiệt tác động làm biến dạng ốp nhựa, phải thay thế; Cụm đèn pha bên trái của xe bị nhiệt tác động làm biến dạng ốp nhựa, phải thay thế; Cụm cản trước của xe bị nhiệt tác động làm biến dạng, than hóa (hư hỏng hoàn toàn), phải thay thế; Tấm chắn bùn bánh trước bên phải bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay thế; Hốc dẫn gió bánh trước bên phải bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay

thế; Giàn nóng điều hòa bị nhiệt tác động làm hư hỏng; Ống dẫn nối với giàn nóng bị nhiệt tác động làm bong nứt, hư hỏng; phải thay thế; Két nước làm mát bị nhiệt tác động làm hư hỏng, bám dính chất than hoá; phải thay thế; Ống dẫn nước từ két nước làm mát đến động cơ bị nhiệt tác động làm bong, nứt, than hoá một phần, phải thay thế; Bình nước làm mát bị nhiệt tác động làm biến dạng, thủng lỗ, phải thay thế; Bộ quạt gió két nước bị nhiệt tác động làm biến dạng một phần, các cánh quạt kẹt không thể chuyển động, phải thay thế; Cỗ hút gió và cục lọc gió động cơ bị nhiệt tác động làm biến dạng, than hoá, phải thay thế; Cỗ bình nước rửa kính bị nhiệt tác động làm biến dạng, thủng nắp, phải thay thế; Dây điện phía trên động cơ bị nhiệt tác động làm biến dạng chảy vỏ dây, lộ các lõi dây bám muội đen, phải thay thế; Cụm đường dẫn điện chụp cực dương của bình ắc quy bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay thế; Dây điện từ bình ắc quy đến hệ thống điện bị nhiệt tác động làm biến dạng, than hoá, phải thay thế; Nắp bình dầu phanh bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay thế; Nắp nhớt động cơ bị nhiệt tác động làm biến dạng một phần, phải thay thế; Thước thăm nhớt bị nhiệt tác động làm biến dạng phần đầu nhựa, phải thay thế; Tấm nhựa nẹp chân kính chắn gió phía trước bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay thế; Gioăng cao su sát nhựa nẹp chân kính chắn gió phía trước bị nhiệt tác động làm biến dạng, phải thay thế; Cơ quan điều tra đã trích xuất 02 file video camera an ninh của gia đình anh Trần Văn Đ ghi lại toàn bộ diễn biến của vụ việc.

Tiến hành nhận diện qua video, T và chị Đỗ Thị M1 là vợ của T xác định người trong video có hành vi đốt xe của anh Đ chính là T.

Ngày 05/02/2022, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại thôn M, xã T1, huyện K. Kết quả thu giữ: tại vị trí tiếp giáp tường bao trong gian bếp (phía bên phải theo hướng vào bếp) của nhà T có 01 chiếc bật lửa gas vỏ nhựa màu trắng; tại vị trí tiếp giáp tường bao trong bếp (phía bên trái theo hướng vào bếp) có 01 vỏ chai nhựa có nắp màu đỏ, thể tích khoảng 800ml, bên trong chai còn lại khoảng 1/5 dung dịch không màu (niêm phong ký hiệu M3); tại vị trí đây phơi quần áo đặt tại mặt trần tầng 2 nhà T có 01 chiếc quần màu đen, có chiều dài khoảng 0,9 mét, hai bên sườn ống quần đều có 02 sọc màu trắng. Toàn bộ đồ vật trên T khai sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 07/02/2022, Cơ quan điều tra đã ra Yêu cầu định giá, xác định giá trị thiệt hại của chiếc xe ô tô 89A - 117.54 thời điểm ngày 05/02/2022. Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐG ngày 07/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại thời điểm định giá là 19.391.600đ.

Tại bản kết luận giám định số 930/KL - KTHS ngày 10/3/2022 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Trong các mẫu vật ký hiệu M1, M2 gửi đến giám định đều tìm thấy dấu vết của dầu hỏa; Chất lỏng bên trong chai nhựa ký hiệu M3 là dầu hỏa; Không đủ điều kiện để xác định điểm xuất phát cháy và nguyên nhân của vụ cháy.

Tại bản kết luận giám định số 25/KL – KTS (PC09) ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 File video gửi giám định.

Đối với 01 chiếc bật lửa gas và 01 chiếc quần vải màu đen, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã tự nguyện bồi thường cho anh Đ số tiền là 120.000.000đ. Anh Đ đã nhận tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại bản cáo trạng số 52/QĐ-VKSKC, ngày 13/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố: Trần Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178 của BLHS năm 2015.

[1]. Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 4 Điều 328 của BLTTHS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Trả tự do cho ngay tại phiên tòa cho bị cáo T nếu bị cáo không bị giam bởi một tội phạm khác; Giao bị cáo T cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra đối với bị cáo; Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc bật lửa gas và 01 chiếc quần vải màu đen, lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB chứa 02 file video camera an ninh của gia đình anh Đ ghi lại toàn bộ hình ảnh diễn biến vụ việc.

[2]. Bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội lao động giúp đỡ vợ con và báo hiếu bố mẹ già.

[3]. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Văn T2 và chị Đỗ Thị M1 đều trình bày: Sau khi bị cáo T phạm tội thì rất hối hận, nên đã nhờ bố mẹ bị cáo là ông T2, bà H1 và vợ bị cáo là chị M1 thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại với tổng số tiền là 120.000.000đ. Ông T2, bà H1 và chị M1 không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét về trách nhiệm của bị cáo T đối với số tiền mà ông T2, bà H1 và chị M1 thay bị cáo bồi thường cho người bị hại.

[4]. Người bị hại là anh Trần Văn Đ và những người làm chứng là ông Văn Khắc T3 và bà Lê Thị T4 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án, họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng,

việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 52/CT-VKS-KC, ngày 13/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản xác định tình trạng thiệt hại hư hỏng tài sản; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người bị hại anh Trần Văn Đ lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Văn T2 và chị Đỗ Thị M1, lời khai của những người làm chứng ông Văn Khắc T3, bà Lê Thị T4, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/02/2022, Trần Văn T đã dùng dầu hỏa để đốt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 89A-117.54 của anh Trần Văn Đ để tại đường bê tông thuộc thôn P, xã T1, huyện K. Hậu quả: Phần đầu xe ô tô của anh Đ bị cháy, thiệt hại về tài sản trị giá 19.391.600đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Văn T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 52/CT-VKS-KC, ngày 13/5/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi dùng dầu hỏa làm chất dẫn để đốt làm hư hỏng chiếc xe ô tô của anh Đ làm cho chiếc xe ô tô của anh Đ vừa mất một phần, đồng thời giảm giá trị sử dụng nhưng ở mức độ có thể khôi phục, sửa chữa lại được. T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên buộc T phải nhận thức được Dầu hỏa là chất dễ cháy nổ khi tiếp xúc với ngọn lửa ở điều kiện nhiệt độ bình thường nhưng T vẫn dùng dầu hỏa và bật bật lửa để thực hiện mục đích nêu trên thì hành vi về mặt khách quan đã thỏa mãn điểm d khoản 2 Điều 178 của BLHS năm 2015. Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được coi là quyền bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách

nhiệm hình sự, khả năng nhận thức để biết được cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn làm, điều đó chứng minh ý thức coi thường luật của bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình bị cáo để bố mẹ bị cáo là ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H1 và vợ bị cáo là chị Đỗ Thị M1 thay bị cáo bồi thường cho người bị hại; Bố đẻ bị cáo là ông Trần Văn T2 đã được cấp bằng khen của Bộ Quốc Phòng; Đồng thời ông T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (03 tiết) Điều 51 của BLHS năm 2015 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Hội đồng xét thấy, bị cáo có chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có KH1 năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trả tự do ngay cho bị cáo T tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam bởi một tội phạm khác. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 178 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo gồm bố mẹ bị cáo là ông T2, bà H1 và vợ bị cáo là chị M1 đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 120.000.000đ, anh Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nữa. Ông T2, bà H1 và chị M1 cũng không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét về trách nhiệm

của bị cáo T đối với số tiền mà ông T2, bà H1 và chị M1 thay bị cáo bồi thường cho người bị hại, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết T vụ án này.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc bật lửa gas là công cụ phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng; 01 chiếc quần vải màu đen dài 0,9m, hai bên sườn ống quần đều có sọc màu trắng là đồ dùng sinh hoạt của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng, bị cáo cũng không có nhu cầu xin lại nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với 01 USB chứa file hình ảnh diễn biến vụ việc T cố ý làm hư hỏng tài sản là tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội nên cần thiết lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015; khoản 4 Điều 328 của BLTTHS năm 2015; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/6/2022.

- Trả tự do ngay cho bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam bởi một tội phạm khác.

- Giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã T1 huyện K, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc

bật lửa gas và 01 chiếc quần vải màu đen, dài 0,9m, hai bên sườn ống quần đều có sọc màu trắng (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 44/QĐ-VKS-KC, ngày 13/5/2022 của VKSND huyện K).

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB chứa file hình ảnh diễn biến vụ việc T cố ý làm hư hỏng tài sản.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015. Buộc bị cáo T phải chịu án phí HSST là 200.000đ

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/6/2022). Báo cho người bị hại vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện K;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- UBND xã T1;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị T H